

# Di Sản Tinh Thần Doãn Quốc Sỹ – Một Điều Văn Triết Học



Chân dung Doãn Quốc Sỹ – Đinh Cường, Houston 2014

笑對塵生心不動  
行於世事道常明

*Tiểu đối trần sinh tâm bất động,  
Hành ư thế sự đạo thường minh.*

Dịch nghĩa:

*Cười trước cõi trần, lòng chẳng động,  
Bước trong thế sự, đạo còn soi.*

Bất Tiểu  
Nhớ Nguyễn Trọng Cảnh

## 1. Con người

Ông đã đi rồi. Một buổi sáng bình yên ở Quận Cam, hơi thở cuối cùng rời khỏi thân xác đã gánh hơn một thế kỷ trần gian. Không có tiếng khóc lớn, không có vòng hoa phô trương, chỉ là sự tĩnh lặng – cái tĩnh lặng mà cả đời ông đã đi tìm, và cuối cùng, đã hòa vào nó. Doãn Quốc Sỹ – cái tên ấy, khi đọc lên, như nghe tiếng chuông xa của một thời thanh khiết. Một thế kỷ qua đi, nhưng với ông, thời gian chưa bao giờ là dòng trôi, mà là dòng lắng. Ông sống như một giọt nước rơi vào lòng đất, thấm xuống, tan đi, để lại một vết trong suốt.

Tôi nhỏ hơn ông hơn hai mươi tuổi, nghĩa là sinh ra trong một thế giới đã khác: một thế giới của ồn ào, nghi ngờ, của những ý thức bị thương tổn sau bao lần đứt gãy. Nhưng Doãn Quốc Sỹ vẫn ở đó – như một cột sáng lặng lẽ. Không lớn tiếng, không tranh biện, không tự xưng, ông chỉ mỉm cười, như thể đã biết hết những điều người ta còn loay hoay hỏi. Ông không “vượt qua” thời đại – ông bước ra khỏi nó. Và bằng chính sự bước ra ấy, ông chứng tỏ một điều tưởng đơn giản mà hiếm ai làm được: rằng con người vẫn có thể sống thiện lành, vẫn có thể giữ một tâm hồn trong sáng, giữa bao nhiêu đục ngầu của thế kỷ.

Ở ông, không có sự “phấn đấu” để thành đạo. Không có khổ hạnh để chứng ngộ. Thiền không phải là một con đường, mà là hơi thở. Ông sống giữa đời mà vẫn vô tâm, vô ngã, như thể những biến động bên ngoài chỉ là những làn gió thoảng. Người ta bảo ông đã từng bị giam cầm, bị đánh đập, bị tước mất cả tự do. Nhưng thử hỏi: có ai có thể tước được tự do của một người đã không còn coi thân xác là ngục tù? Ông bị giam, nhưng chính ông lại hóa giải nhà tù bằng tâm thiền của mình. Trong tù, ông vẫn thở ra và hít vào như ở giữa trời rộng. Người ta tưởng bắt được Doãn Quốc Sỹ – nào ngờ chỉ bắt được một thân xác, còn linh hồn ông thì đã ung dung tự tại từ lâu rồi.

Tôi nhớ một lần đọc lại câu chuyện “**mát xe La Dalat**” của ông – cái xe duy nhất, phương tiện đi lại, và cũng là tài sản cần thiết của một nhà văn nghèo. Khi biết xe mát, ông chỉ cười khà khà: “**Thế đấy!**” Cái “thế đấy” của ông không phải là chấp nhận bất lực, mà là minh triết. Nó không phải buông xuôi, mà là buông xả. Ở đời, mấy ai cười nổi khi vừa mất đi thứ quý giá nhất mình có? Nhưng ông cười được. Và trong tiếng cười ấy, có cả ngàn năm thiền định, có bóng dáng của Trần Nhân Tông, có hơi thở của Phật Thích Ca, có sự siêu nhiên của người hiểu được bản chất vô thường của mọi sự vật.

Trong một thế kỷ đầy dâu bể của Việt Nam, Doãn Quốc Sỹ là một trong số ít những người giữ được sự quân bình giữa trí thức và hiền triết. Ông dạy học, nhưng không truyền tri thức – ông truyền tâm thế. Ông viết văn, nhưng không kể chuyện – ông kể sự tĩnh lặng. Những học trò của ông, dù chỉ học ông một niên khóa, đều nói rằng họ học được “cách đứng, cách ngồi, cách nói.” Ở ông, mọi cử chỉ đều có ý nghĩa. Khi ông đặt bút, con chữ không đi tìm cái đẹp, mà đi tìm cái thật. Khi ông giảng bài, câu nói không chỉ để hiểu, mà để an tâm. Con người ấy, sống giữa cõi phàm, nhưng đã hóa cõi thánh trong từng động tác thường nhật.

Doãn Quốc Sỹ, nếu sinh ở Trung Hoa đời Đường, có lẽ đã là một thiền sư; nếu ở Ấn Độ, có lẽ là một đạo sĩ lang thang; nếu ở Pháp thế kỷ XIX, có lẽ là một Pascal cười thay vì khóc. Nhưng ông sinh ở Việt Nam, ở một thời đầy rối loạn, nên thành một nhà văn. Một nhà văn – người phải dùng chữ, nhưng chữ lại chỉ là phương tiện. Ông viết không để chứng minh, không để giải thích, mà để “gợi”. Cái đẹp trong văn ông không nằm ở cấu trúc hay ngôn từ, mà nằm trong tấm lòng. Đọc “Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều” hay “Khu Rừng Lau”, ta thấy một thứ ánh sáng dịu, thấm, không rực rỡ mà cũng không tàn. Ánh sáng ấy không soi rọi, mà tỏa lan – như ánh đèn trong sương, như hơi thở của một người ngồi yên giữa giông gió.

Với thế hệ chúng tôi, Doãn Quốc Sỹ là chứng nhân của một nhân cách. Một người có thể bị đánh, bị bắt, bị lưu đày – nhưng không bao giờ than oán. Một người có thể thua mọi trận ngoài đời – nhưng chưa bao giờ thua chính mình. Trong khi bao nhiêu người tìm cách nói lớn tiếng để được nhớ, ông chọn im lặng để được quên. Và chính vì thế, ông được nhớ lâu hơn tất cả. Cái im lặng của ông không phải là sự tránh né, mà là một bài học. Trong xã hội mà ai cũng muốn nói, thì người biết im là người đã hiểu hết.

Những năm cuối đời, ông vẫn giữ thói quen uống nước muối súc miệng, đi bộ chậm, ăn ít, nói ít, cười nhiều. Cái cười của ông là một thứ hương. Nó không bật ra vì hứng khởi, mà tỏa ra vì lòng nhẹ. Tôi từng tự hỏi: phải chăng đó chính là đỉnh cao của tu tập – khi mỗi cử chỉ thường nhật đều mang dáng dấp của đạo? Ở Doãn Quốc Sỹ, người ta không còn thấy ranh giới giữa “đời” và “đạo”. Cả hai hòa vào nhau, như sóng và nước, như tiếng thở và nhịp tim. Có lẽ, chính vì thế mà ông được gọi là người “đối cảnh vô tâm” – không phải vì ông không có cảm xúc, mà vì cảm xúc đã trở nên trong suốt. Ông vẫn thấy, vẫn thương, vẫn buồn, nhưng trong cái buồn ấy đã có sự hiểu, trong cái thương ấy đã có sự biết.

Nếu có thể tóm lại bằng một câu, tôi nghĩ: Doãn Quốc Sỹ là người đã chứng minh rằng từ bi có thể là một triết học sống. Không cần diễn thuyết, không cần luận thuyết, ông chỉ sống hiền lành, và chính sự hiền lành ấy là một định nghĩa của trí tuệ. Ông không cố gắng trở thành người khác, và cũng không đòi ai phải trở thành ông. Ông chỉ nói: “Thế đấy!” – một lời đơn giản, mà trong đó chứa cả cái nhìn của Phật, cái im của Lão, và cái nhân của Khổng.

## 2. Tư tưởng

Nói về Doãn Quốc Sỹ, người ta thường nhắc đến đức độ, đến lòng nhân, đến chữ “hiền.” Nhưng tôi nghĩ, chữ “hiền” ở ông không phải là một phẩm chất đạo đức, mà là một hình thái của trí tuệ. Đó không phải là sự nhu thuận, càng không phải là sự cam chịu; nó là kết tinh của một cái nhìn xuyên suốt — một thứ minh triết an nhiên chỉ có thể đến từ người đã đi qua khổ đau mà không mang theo hận thù. Ông từng nói: “Con người có thể bị ép sống, nhưng không ai ép được cách ta sống.” Chính ở điểm này, tư tưởng Doãn Quốc Sỹ chạm tới cái cốt lõi của tự do.

Tự do, với ông, không phải là khả năng làm điều mình muốn, mà là khả năng không bị lệ thuộc vào điều mình ghét. Người ta thường tưởng rằng tự do là hành động; nhưng trong ông, tự do là buông bỏ hành động. Khi một người có thể thản nhiên nói “Thế đấy” trước mặt mát, khi một người có thể cười mà không cần thắng, thì người ấy đã thoát khỏi vòng hệ lụy của thế gian. Tự do ấy không phải là quyền, mà là trí. Không ai ban cho ông, và cũng không ai tước đi được.

Đó là tư tưởng xuyên suốt trong văn ông: tự do như một trạng thái nội tâm, chứ không phải một hoàn cảnh chính trị. Ở một xã hội miền Nam sôi động những năm sáu mươi, Doãn Quốc Sỹ vẫn chọn con đường riêng — không cổ võ chủ nghĩa, không tranh luận quyền lực, mà chỉ viết về những mảnh đời nhỏ bé, về nhân tính bị thử thách, về phẩm giá con người trong sự lặng lẽ. Với ông, nhà văn không phải là người cầm bút để phản ứng, mà là người giữ lại phần nhân hậu khi xã hội đã mất nó.

Vì vậy, tác phẩm của ông – dù là *Chiếc chiếu hoa cạp điều*, *Dòng sông định mệnh*, *Khu rừng lau*, hay *Vào thiền* – đều có một đặc điểm chung: không có kẻ thù. Ở đó, con người không được phân chia bởi lập trường hay ý thức hệ; họ chỉ khác nhau ở mức độ tỉnh thức. Trong khi người khác viết để chứng minh “bên kia sai,” thì Doãn Quốc Sỹ viết để nhắc “*bên nào cũng khổ.*” Ông không đứng về phía ai, vì ông đứng về phía người. Và chính ở điểm đó, ông vượt ra khỏi biên giới của mọi thời cuộc.

Người ta hay quên rằng Doãn Quốc Sỹ là một nhà giáo trước khi là nhà văn. Nhưng có lẽ vì thế mà tư tưởng của ông không mang tính phán xét mà mang tính khai mở. Ông dạy sinh viên không phải để họ “trở thành ai đó,” mà để họ tự nhận ra mình là ai. Nhiều thế hệ học trò kể rằng, trong mỗi buổi giảng của ông ở Đại học Văn khoa hay Vạn Hạnh, ông thường nói về đạo sống nhiều hơn về văn chương. Với ông, văn chương chỉ là một cách để học làm người. Viết, là học khiêm tốn; đọc, là học lắng nghe. Và điều đáng sợ nhất của con người, theo ông, không phải là ngu dốt, mà là tự tin rằng mình đúng.

Cái “đúng” mà ông nói tới không phải là chân lý logic, mà là cái ngã. Khi cái ngã lớn lên, lòng nhân biến mất. Khi lòng nhân mất, mọi lý tưởng trở thành bạo lực. Chính vì nhìn thấy điều đó trong kháng chiến, ông rời bỏ Việt Minh. Ông không bỏ vì sợ, mà vì không muốn phụng sự cho một chân lý đã quên mất con người. Từ đó, ông chọn viết – như một hình thức phản tỉnh. Nhưng khác với các nhà văn chính luận, Doãn Quốc Sỹ không lên án; ông chỉ soi rọi. Ánh sáng của ông không làm chói mắt, mà làm hiện hình.

Triết học của ông là triết học của “**từ bi tĩnh thức.**” Ông tin rằng cái thiện không cần tuyên bố; nó chỉ cần được sống. Trong triết lý phương Đông, từ bi thường gắn với lòng thương; nhưng nơi ông, từ bi gắn với hiểu biết. “**Thương mà không hiểu là thương mù quáng; hiểu mà không thương là hiểu vô ích.**” Câu nói ấy, nếu đặt trong bối cảnh xã hội phân cực của thế kỷ XX Việt Nam, là một tuyên ngôn không lời. Vì thế, ông trở thành một loại triết nhân thầm lặng: không giảng đạo, mà sống đạo.

Điều kỳ lạ là: dù bị bắt, bị tù, bị lưu đày, Doãn Quốc Sỹ không bao giờ biến khổ đau thành vũ khí. Ông không viết để tố cáo, mà để thanh lọc. “Vào Thiền” không phải là cuốn sách dạy thiền, mà là một bản ghi lại hành trình làm người sau đổ nát. Trong từng trang sách, ta thấy một con người vừa yếu đuối vừa kiên cường, vừa sợ hãi vừa vững vàng. Ông không hề giấu đi nỗi mệt mỏi của mình; nhưng chính sự thành thật ấy khiến ông gần gũi. Khi ông nói “Đối cảnh vô tâm,” đó không phải là tuyên ngôn của người đã giác ngộ, mà là tiếng nói của người đang học cách bình thản trong từng khổ đau.

Trong Vào Thiền, có một đoạn rất ngắn mà tôi cho là linh hồn tư tưởng của ông:

*“Hãy để cho tâm mình trở thành như mặt hồ phẳng lặng. Khi cơn gió của đời thổi qua, nó sẽ chỉ gợn lên chút xao động rồi lặng lại. Đừng xua gió, đừng ghét gió. Vì gió đến để nhắc ta rằng hồ vẫn còn sống.”*

Đó là cách ông nhìn thế giới: không phải tách mình khỏi nó, mà chấp nhận nó trong sự tĩnh lặng. Đời sống không phải là thứ để chạy trốn, mà là nơi để thực tập sự trong sáng. Người khác vào thiền để thoát đời; ông vào thiền để sống sâu hơn trong đời. Chính vì thế, ông được xem như người nối tiếp dòng “Cư trần lạc đạo” của Trần Nhân Tông — sống giữa bụi trần mà lòng vẫn như sen nở.

Ở tầng sâu hơn, tư tưởng Doãn Quốc Sỹ là một phản ứng hiện hậu đối với cả chủ nghĩa duy lý phương Tây và ý thức hệ toàn trị phương Đông. Ông không phủ nhận lý trí, nhưng cũng không thần thánh hóa nó. Ông biết rằng lý trí giúp con người chế ngự thế giới, nhưng chỉ có từ tâm mới cứu con người khỏi chính mình. Với ông, văn minh là sản phẩm của lý trí; còn nhân phẩm là hoa trái của lòng nhân. Một xã hội có thể phát triển mà vẫn tàn nhẫn, như một cơ thể khỏe mạnh mà trái tim lạnh. Bởi thế, điều ông mơ ước không phải là một Việt Nam giàu có, mà là một Việt Nam hiền.

Có người từng hỏi: “*Nếu không có triết học chính trị, không có chủ nghĩa, làm sao giữ được niềm tin?*” Ông đáp: “**Tin vào điều thiện là đủ.**” Câu nói ấy nghe đơn giản, nhưng là cả một triết học. Bởi tin vào điều thiện không phải là tin rằng thế gian sẽ tốt; mà là tin rằng ta vẫn có thể tốt, dù thế gian xấu.

Chính ở đó, Doãn Quốc Sỹ đạt tới chiều sâu của đạo học: cái thiện không phải là kết quả, mà là thái độ sống. Một người hiền không vì đã hết giận, mà vì biết mỉm cười giữa cơn giận. Một người an không vì không còn lo, mà vì biết ôm lo mà không khổ. Ông là hiện thân của điều ấy – một con người vừa triết lý vừa bình dị, vừa tôn giáo vừa nhân văn.

### 3. Di sản & Thế hệ kế tục

Khi một người như Doãn Quốc Sỹ rời cõi tạm, ta không chỉ mất một nhà văn, mà mất một phương hướng sống. Ở thời đại của tốc độ, ông là biểu tượng của sự chậm; giữa thời ồn ào, ông là biểu tượng của tĩnh; trong một thế kỷ mà con người nói nhiều về tự do nhưng sống trong sợ hãi, ông là hình ảnh của tự do nội tâm. Di

sản của ông không nằm trên giá sách, mà nằm trong cách ông đi, ông ngồi, ông cười – trong cái nhẹ của một linh hồn đã biết trọng lượng của đời.

Có thể nói, Doãn Quốc Sỹ đã để lại cho chúng ta **ba gia tài** vô hình.

### **Thứ nhất, là đức tin vào con người.**

Không phải đức tin tôn giáo, mà là niềm tin nhân sinh. Ông tin rằng con người có thể tốt hơn bản năng của mình. Văn chương ông không tô hồng, không vẽ thiên đàng; nó chỉ mời ta nhìn vào lòng mình, để thấy rằng thiện lương không ở đâu xa. Ông không xây tháp ngà cho nghệ thuật, mà dựng một mái chòi cho tâm hồn. Ai bước vào đó cũng thấy mình được tha thứ. Có lẽ, đó là lý do vì sao người đọc Doãn Quốc Sỹ – dù ở miền Nam, miền Bắc hay hải ngoại – đều cảm thấy được an ủi. Bởi ông không dạy họ phải sống sao, chỉ nhắc rằng: hãy sống sao cho tâm còn mềm.

### **Thứ hai, là đức độ làm người trí thức.**

Một người viết có thể có tài mà không có đức; có thể có tư tưởng mà thiếu khiêm cung. Nhưng Doãn Quốc Sỹ không thuộc về kiểu ấy. Ở ông, tri thức và đức hạnh là hai mặt của một tấm gương. Cái biết chỉ có ý nghĩa khi cái tâm đã sáng. Trong một thời đại mà chữ nghĩa dễ bị dùng như vũ khí, ông giữ nó như hương. Ông viết để thanh lọc chứ không để chiếm lĩnh. Ông không tìm học trò, nhưng ai đọc ông đều trở thành học trò. Đó là sự dạy dỗ bằng hiện diện — không cần lớp học, không cần bục giảng, chỉ cần ông ngồi yên.

### **Thứ ba, là một mẫu hình Việt Nam hiện triết.**

Doãn Quốc Sỹ là sự gặp gỡ của ba dòng tư tưởng: Nho, Lão, Phật – nhưng ông không hề pha trộn mà dung hòa. Từ Nho, ông giữ lòng nhân; từ Lão, ông học sự buông; từ Phật, ông thấu vô thường. Khi các nhà tư tưởng phương Tây đi tìm siêu hình học để chống lại hư vô, thì ông chỉ cần một hơi thở ra. Khi thế giới còn tranh luận về hiện sinh và phi lý, thì ông đã sống điều đó một cách nhẹ nhàng: con người chỉ cần nhận biết chính mình. Như vậy, ông không chỉ là một nhà văn Việt Nam, mà là một người Việt toàn phần, trong nghĩa cao nhất của từ ấy – người biết hiền mà không yếu, biết tỉnh mà không lạnh, biết buông mà không bỏ.

Với thế hệ chúng tôi – những kẻ sinh sau, lớn lên giữa tiếng ồn của thị trường và lẫn lộn của giá trị – Doãn Quốc Sỹ là một tấm gương soi ngược. Ông nhắc rằng văn hóa không nằm trong khẩu hiệu, mà trong nhân cách; rằng sự tiến bộ không phải ở tốc độ, mà ở hướng đi. Mỗi khi đọc lại câu ông nói, “Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp,” tôi lại hiểu thêm một tầng ý nghĩa: nghề là cái ta chọn, còn nghiệp là cái chọn ta. Và cái nghiệp viết của ông – cũng là nghiệp chịu đựng, nghiệp yêu thương – đã chọn ông suốt trăm năm.

Khi người ta bàn về “thế hệ kế tục,” ta hay nghĩ tới những người cầm bút sau. Nhưng thật ra, di sản của Doãn Quốc Sỹ không đòi người viết kế thừa, mà đòi người sống tiếp tục. Mỗi ai còn biết mỉm cười giữa bất công, biết nhẹ giọng giữa tranh cãi, biết giữ tâm sáng giữa hỗn mang – người đó đã kế thừa ông. Nhà văn có thể mất, tác phẩm có thể cũ, nhưng cách sống vẫn còn truyền được, nếu ta chịu lắng.

Trong một lần hiếm hoi, khi được hỏi: “Thưa thầy, làm sao để giữ niềm tin trong thời đại này?” – ông chỉ mỉm cười và đáp: “Đừng giữ, cứ sống.” Câu trả lời ấy đủ làm tan hết mọi giáo điều. Vì giữ là sợ mất, mà sợ mất thì đã mất rồi. Còn sống, là để tin, tự nhiên. Tư tưởng ấy – giản dị mà minh mông – là viên ngọc cuối cùng trong di sản tinh thần Doãn Quốc Sỹ.

Tôi nhớ lại hình ảnh ông ngồi giữa Houston, nghe bạn bè nói chuyện đời, chỉ mỉm cười, thỉnh thoảng buông một câu: “*Thế đấy!*” Hai chữ ấy, nếu đặt vào tay người đời, có thể là buông xuôi. Nhưng trong miệng ông, nó là chứng ngộ. Nó là tiếng thở ra của một linh hồn đã hòa vào nhịp thở của vũ trụ. Và có lẽ, ở khoảnh khắc ông trút hơi cuối cùng, cũng là một tiếng “*Thế đấy!*” nữa – không bằng lời, mà bằng im lặng.

Sau ông, thế hệ chúng tôi sẽ tiếp tục đi – đi trong một thế giới khác, với những biến động khác. Nhưng cái mà chúng tôi mang theo, không phải là những cuốn sách cũ, mà là tinh thần ấy: tinh thần của một người đã sống suốt trăm năm mà không để bụi thời gian làm mờ ánh sáng trong mắt. Ông dạy chúng tôi biết cách vừa hiện

diện, vừa buông bỏ. Biết rằng nhân cách không cần được dựng lên; nó chỉ cần được giữ vững. Biết rằng tự do không phải là thắng kẻ khác, mà là thắng chính mình.

Di sản ấy – không ai chép lại được, không ai đo lường được – chỉ có thể được truyền bằng sự lặng lẽ. Như ngọn nến truyền lửa cho ngọn khác, không mất ánh sáng nào. Mỗi thế hệ sau này, nếu còn nhớ đến ông, xin hãy nhớ không phải bằng tượng, bằng tên đường, mà bằng thái độ sống: một nụ cười hiền, một cái nhìn không phán xét, một hơi thở an nhiên.

Bởi cuối cùng, Doãn Quốc Sỹ đã dạy ta một điều giản dị nhất mà cũng sâu xa nhất: Sống là một cách Thiền. Viết là một cách thương. Tha thứ là một cách hiểu. Và hiểu, thương, tha thứ — chính là ba nhịp thở còn lại của một linh hồn Việt Nam đã đi qua thế kỷ, lặng lẽ, trọn vẹn, và vĩnh viễn.

*Thầy đi, gió vẫn hiền, sông vẫn chảy, chữ vẫn thơm như đạo.*

*Con ở, lòng còn sáng, đời còn động, tâm còn hướng về Thầy.*

14/10/2025

Nguyễn Quốc Bảo (Pierre Nguyen)